

Số: 983 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 27 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện
chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2024 (bổ sung)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 200/TTr-SNV ngày 21/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế (chính sách nghỉ hưu trước tuổi) đợt I năm 2024 đối với 03 cán bộ, viên chức, cụ thể như sau:

- Cán bộ cấp xã thuộc thị xã Hoài Nhơn (thực hiện giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi): 02 người;
- Viên chức thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thực hiện giải quyết chính sách nghỉ hưu trước tuổi): 01 người;
- Tổng kinh phí thực hiện: 411.515.000 đồng (Bốn trăm mười một triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng).

(chi tiết theo Biểu số 1a và Biểu số 2 đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn:
 - Triển khai thực hiện các thủ tục giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, viên chức tại Điều 1 đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.
 - Báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Nội vụ, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm bố trí và hướng dẫn việc sử dụng kinh phí để cơ quan thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các thị xã, thành phố thực hiện giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các cán bộ, viên chức tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, K12.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Biểu số 1a

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI ĐỘT 1 NĂM 2024 (bổ sung)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính giảm biên chế	Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế	Kinh phí để thực hiện tính giảm biên chế (1000 đồng)				Lý do tính giảm
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	
TỔNG CỘNG		3 người																				411.515	205.784	97.495	108.236	
UBND thị xã Hoài Nhơn																										
1	Phùng Thanh Ngọc	27/03/1966	Đại học Quản lý nhà nước	Chủ tịch UBNDTTQ xã Hoài Phú, thị xã Hoài Nhơn	4,32	01/01/2024	0,20	01/02/2022							3,99	01/07/2020	6.367	28n, 4th		01/04/2024	58t	135.299	76.404	31.835	27.060	Điểm d khoản 1 Điều 2 ND 29
2	Nguyễn Văn Lâm	02/07/1965	Đại học Quản lý nhà nước	Chủ tịch UBNDTTQ phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	4,98	01/03/2023	0,20	01/01/2010							4,65	01/03/2020	7.461	40n, 7th		01/04/2024	58t, 8th	193.986	78.341	37.305	78.341	Điểm d khoản 1 Điều 2 ND 29
Sở Nông nghiệp và PTNT																										
3	Trần Thục Quyên	07/10/1969	Đại học	Viên chức Phòng Hành chính - tổng hợp, Trung tâm giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	3,99	01/01/2023									3,66	01/01/2020	5.671	21 năm		01/04/2024	54t 5th	82.230	51.039	28.355	2.836	Điểm d Khoản 1 Điều 2 ND 29

Biểu số 2

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT 2 NĂM 2023 (bổ sung)

(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH H theo số BHXH H	Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính giản	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề		Nguồn thu của đơn vị được để lại theo quy định, dự toán NSNN hỗ trợ chi thường xuyên hàng năm và các nguồn KP hợp pháp khác nếu có (1000đ)	Ngân sách nhà nước bố trí (1000đ)		
TỔNG CỘNG			3 người																			3	0	0	0	411.515	0	411.515		
UBND thị xã Hoài Nhơn																														
1	Phùng Thanh Ngọc	27/03/1966	Đại học Quản lý nhà nước	Chủ tịch UBNDTTQ xã Hoài Phú, thị xã Hoài Nhơn	4,32	01/01/2024	0,20	#####							3,99	01/07/2020	8.136	6.367	28n 4th	58t	01/04/2024	X					135.299	0	135.299	Điểm d khoản 1 Điều 2 NĐ 29
2	Nguyễn Văn Lâm	02/07/1965	Đại học Quản lý nhà nước	Chủ tịch UBNDTTQ phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	4,98	01/03/2023	0,20	#####							4,65	01/03/2020	9.324	7.461	40n 7th	58t, 8th	01/04/2024	X					193.986	0	193.986	Điểm d khoản 1 Điều 2 NĐ 29
Sở Nông nghiệp và PTNT																														
3	Trần Thục Quyên	07/10/1969	Đại học	Viên chức Phòng Hành chính - tổng hợp, Trung tâm giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	3,99	01/01/2023									3,66	01/01/2020	7.182	5.671.455	21 n	54 tuổi 5 tháng	01/4/2024	X					82.230	0	82.230	Điểm d Khoản 1 Điều 2 NĐ 29

